

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/HC-ST

Ngày 03/6/2021

V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Thế Hòa và bà Võ Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Quang Hùng - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Ông Nguyễn Văn Ban - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 03 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 98/2020/TLST-HC ngày 28 tháng 12 năm 2020, về việc “*Kiến quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2021/QĐXXST-HC ngày 28/4/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 18/2021/QĐST-HC ngày 14/5/2021, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện:

+ Ông Lê Trọng Q, sinh năm: 1963; trú tại: Lô Z, khu TĐC, tổ dân phố 6, phường TN, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

+ Ông Đặng Đình L, sinh năm: 1976; trú tại: 288 đường PCB, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- Người bị kiện:

+ Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện ủy quyền: Ông Y G – Phó chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.
Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Số 09 đường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk:

+ Ông Trần Văn S - Phó giám đốc Sở Tài nguyên và môi trường Đắk Lắk. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng người khởi kiện Ông Lê Trọng Q và Ông Đặng Đình L trình bày:**

Ngày 21/10/2019, UBND tỉnh Đắk Lắk ra quyết định số 3067/QĐ-UBND ngày 21/10/2019 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và chi phí thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Cơ sở bảo trợ, chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần, rối loạn tâm trí tỉnh Đắk Lắk tại phường TN, thành phố B.

Đối tượng bị Nhà nước thu hồi đất là Công ty E nhưng Công ty E đã giao cho các hộ dân sinh sống tại địa phương để nuôi trồng mới và chăm sóc cây cà phê liên kết, trong đó có hộ gia đình ông L và ông Q. Hợp đồng giao khoán ký kết giữa Công ty E vẫn chưa thanh lý hợp đồng, vẫn còn hiệu lực pháp luật và Công ty E vẫn chưa thanh lý hợp đồng để làm rõ quyền và nghĩa vụ của các bên khi nhà nước thu hồi đất để tự làm dự án. Kể từ khi ký kết hợp đồng vì chúng tôi đã đầu tư rất nhiều công sức, tiền của để chăm sóc, cải tạo vườn cây và đây là nguồn thu nhập chính để nuôi sống gia đình chúng tôi.

Trong phương án số 263/PA-RRPTQĐ ngày 18/12/2018 của Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố B đã tính toán đầy đủ các khoản bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất gồm Hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ sản xuất, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, hỗ trợ khác. Tuy nhiên, UBND tỉnh Đắk Lắk ra Quyết định số 3067/QĐ-UBND theo đó UBND tỉnh không hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm trong khi công việc và nguồn thu nhập chính của chúng tôi đều phụ thuộc vào việc canh tác cà phê trên diện tích đang bị Nhà nước thu hồi. Do đó, để bảo vệ quyền và lợi ích, chúng tôi yêu cầu Tòa án giải quyết:

Ông L và ông Q yêu cầu buộc UBND tỉnh Đắk Lắk phải bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đối với khoản mục hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho Ông Đặng Đình L và Ông Lê Trọng Q.

Ông Lê Trọng Q, yêu cầu: Hủy quyết định số 2652/QĐ-UBND ngày 03/11/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk và Hủy đoạn 5, khoản 4 Điều 1 của Quyết định số 3067/QĐ-UBND ngày 21/10/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk

Ông Đặng Đình L, yêu cầu: Hủy quyết định số 2630/QĐ-UBND ngày 02/11/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk và Hủy đoạn 05 khoản 4 điều 1 Quyết định số 3067/QĐ-UBND ngày 21/10/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

- Tại văn bản ý kiến người đại diện theo ủy quyền của UBND tỉnh Đắk Lắk Ông Y G trình bày:

Theo kết quả thẩm tra xác minh, việc UBND tỉnh Đắk Lắk không áp dụng chính sách hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ Ông Đặng Đình L và hộ Ông Lê Trọng Q là đúng thực tế và đúng quy định của pháp luật, bởi vì: Công ty E được giải thể kể từ ngày 30/9/2016 theo Quyết định số 2712/QĐ-UBND 15/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk. Việc UBND tỉnh Đắk Lắk thu

hồi đất của Công ty tại Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017 là trường hợp thu hồi đất đối với tổ chức sử dụng đất đã giải thể, thuộc quy định tại Điều 65 Luật Đất đai năm 2013, không phải trường hợp thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, dân sinh xã hội theo quy định tại các Điều 61, 62 Luật Đất đai năm 2013.

Theo quy định tại Điều 422 Bộ luật dân sự năm 2015, thì một trong những trường hợp chấm dứt hợp đồng là: “3. Cá nhân giao kết hợp đồng chết, pháp nhân giao kết hợp đồng chấm dứt tồn tại mà hợp đồng phải do chính cá nhân, pháp nhân đó thực hiện”. Khi Công ty E giải thể kể từ ngày 30/9/2016, thì hiệu lực của hợp đồng giao khoán đất liên kết sản xuất cà phê của các hộ đang khiếu nại đã chấm dứt mặc dù hợp đồng vẫn còn thời hạn thực hiện. Do đó, việc sử dụng đất của các hộ cũng chấm dứt tại thời điểm Công ty E giải thể.

Vì vậy, Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 2652/QĐ-UBND ngày 03/11/2020 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của Ông Lê Trọng Q và Quyết định số 2630/QĐ-UBND ngày 02/11/2020 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của Ông Đặng Đình L, theo đó giữ nguyên Quyết định số 3067/QĐ-UBND ngày 21/10/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk là đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của hộ ông Q và ông L.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, nhận định và cho rằng các yêu cầu khởi kiện của hộ Ông Lê Trọng Q và Ông Đặng Đình L là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng Hành chính. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của hộ Ông Lê Trọng Q và Ông Đặng Đình L. Hủy quyết định số 2652/QĐ-UBND ngày 03/11/2020; Hủy quyết định số 2630/QĐ-UBND ngày 02/11/2020 và Hủy đoạn 05 khoản 4 điều 1 Quyết định số 3067/QĐ-UBND ngày 21/10/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở đánh giá đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, ý kiến của các đương sự và những người tham gia tố tụng khác HĐXX nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự có mặt của của đương sự: Ông Y G có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Ngoài ra, các đương sự khác mặc dù được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần 2 không có lý do. Do đó, HĐXX quyết định tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 158 của Luật tố tụng hành chính.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện:

Quyết định số 2652/QĐ-UBND ngày 03/11/2020 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của Ông Lê Trọng Q và Quyết định số 2630/QĐ-UBND ngày 02/11/2020 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của Ông Đặng Đình L. Ngày 03/12/2020, ông L

và ông Q làm đơn khởi kiện. Vì vậy, đơn khởi kiện của Ông L và ông Q trong thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật tố tụng hành chính năm 2015. Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải quyết đúng thẩm quyền theo quy định khoản 1 Điều 30; khoản 3, 4 Điều 32 của Luật tố tụng hành chính 2015.

[2] Về nội dung.

[2.1] Về thẩm quyền và trình tự thủ tục ban hành quyết định hành chính.

UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành quyết định số 3067/QĐ-UBND ngày 21/10/2019 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và chi phí thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 2652/QĐ-UBND ngày 03/11/2020 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của Ông Lê Trọng Q và Quyết định số 2630/QĐ-UBND ngày 02/11/2020 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của Ông Đặng Đình L là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 18; 21 của Luật khiếu nại, tố cáo năm 2011.

[2.2] Về nội dung:

Ngày 08/01/2014, Ông Đặng Đình L ký hợp đồng nhận khoán số 127Đ1/2014/HĐ với Công ty E diện tích 3720 m²; thời gian: từ ngày 08/01/2014 đến ngày 30/12/2039.

Ngày 20/02/2013, Ông Lê Trọng Q ký hợp đồng nhận khoán số 35Đ1/2012/HĐ với Công ty E diện tích 2000 m²; thời gian: từ ngày 20/02/2013 đến ngày 31/12/2030.

Ngày 04/01/2017, UBND tỉnh Đắk Lắk thu hồi đất của Công ty tại Quyết định số 07/QĐ-UBND.

Ngày 21/10/2019, UBND tỉnh Đắk Lắk ra quyết định số 3067/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và chi phí thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Cơ sở bảo trợ, chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần, rối loạn tâm trí tỉnh Đắk Lắk tại phường TN, thành phố B là đúng trình tự thủ tục.

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của hộ ông L và ông Q.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Người bị kiện là UBND tỉnh Đắk Lắk không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của hai hộ ông Q và ông L và cho rằng “Việc thu hồi đất đối với tổ chức sử dụng đất đã giải thể. Thì mặc nhiên hiệu lực của các hợp đồng giao khoán đất liên kết sản xuất cả phê của các hộ dân khiếu nại đã chấm dứt, mặc dù các hợp đồng đó vẫn còn thời hạn thực hiện. Vì vậy, Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 2652/QĐ-UBND ngày 03/11/2020 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của Ông Lê Trọng Q và Quyết định số 2630/QĐ-UBND ngày 02/11/2020 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của Ông Đặng Đình L, theo đó giữ nguyên Quyết định số 3067/QĐ-UBND ngày 21/10/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk là đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các Điều 83 và 84 Luật đất đai và theo quy định tại khoản 1 Điều 19 của Nghị định 47/NĐ-CP ngày 15/5/2014:

“Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản (không bao gồm đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ) của các nông, lâm trường quốc doanh khi Nhà nước thu hồi mà thuộc đối tượng là cán bộ, công nhân viên của nông, lâm trường quốc doanh đang làm việc hoặc đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp đang trực tiếp sản xuất nông, lâm nghiệp; hộ gia đình, cá nhân nhận khoán đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp trên đất đó;”.

Khoản 6 Điều 4 của Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP quy định:

“1. Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều 19 của Nghị định này khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà được bồi thường bằng tiền; hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất quy định tại các điểm d, đ và e khoản 1 Điều 19 của Nghị định này (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công nhân viên của nông, lâm trường quốc doanh, của công ty nông, lâm nghiệp được chuyển đổi từ các nông, lâm trường quốc doanh đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp thì được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.”

Xét thấy, hộ ông L và ông Q đã nhận chuyển nhượng và canh tác từ những năm trước đây, cũng như từ khi ký kết hợp đồng nhận đất giao khoán trồng và chăm sóc cà phê với Công ty E, thì hộ gia đình ông Q và ông L không phải là cán bộ, công nhân của Công ty E, sau khi nhận đất giao khoán hộ gia đình ông L và ông Q trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên phần diện tích đất nhận khoán của mình và việc canh tác trên mảnh đất giao khoán là nguồn thu nhập chính của tất cả các thành viên hộ dân được giao khoán để nuôi sống gia đình. Do vậy đối chiếu với những quy định trên nhận thấy người bị kiện là UBND tỉnh Đắk Lắk xác định hộ gia đình ông Q và ông L không nằm trong diện được hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi nhà nước thu hồi đất nông nghiệp là không đúng với những quy định trên.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Yêu cầu khởi kiện của những người khởi kiện là có cơ sở để chấp nhận. Cần buộc UBND tỉnh Đắk Lắk phải bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất. Đối với khoản mục hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ Ông Đặng Đình L và Ông Lê Trọng Q.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên ông Q và ông L không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, UBND tỉnh Đắk Lắk phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32; Điều 116; khoản 2 Điều 158; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 194 và khoản 1 Điều 206; Điều 349 của Luật tổ tụng hành chính; Điều 83 và 84 Luật đất đai sửa đổi năm 2013; điểm d khoản 1 Điều 19, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 về quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Khoản 6 Điều 4 của Nghị định số 01/2017/NĐ-CP

ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP. Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của hộ Ông Lê Trọng Q và Ông Đặng Đình L. Hủy quyết định số 2652/QĐ-UBND ngày 03/11/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk. Hủy quyết định số 2630/QĐ-UBND ngày 02/11/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk. Hủy đoạn 05 khoản 4 điều 1 Quyết định số 3067/QĐ-UBND ngày 21/10/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

- Buộc UBND tỉnh Đắk Lắk phải bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đối với khoản mục hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ Ông Đặng Đình L và Ông Lê Trọng Q.

[2] Về án phí: UBND tỉnh Đắk Lắk phải chịu 300.000đ án phí hành chính sơ thẩm. Ông Đặng Đình L và Ông Lê Trọng Q không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, hoàn trả 300.000 đồng tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm cho ông Đặng Đình L (bà Trần Thị Thu S nộp thay) và Ông Lê Trọng Q theo biên lai thu tiền số AA/2019/0017436 ngày 18/12/2020 và biên lai thu tiền số AA/2019/0017438 ngày 21/12/2020.

[3] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án Hành chính sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02);
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Bằng